

Bản án số: 607/2022/DS-PT
Ngày: 27/09/2022
V/v đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Ngọc Tường
2. Bà Phạm Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 16 và 27 tháng 09 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2022/TLPT-DS ngày 07/07/2022, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1258/2022/DS-ST ngày 19/04/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TP bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3914/2022/QĐXXPT-DS ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định hoãn phiên tòa số 10896/QĐ – PT ngày 17/08/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tôn Nữ Mộng H, sinh năm 1969.

Địa chỉ nơi cư trú: 165/1/7 Trần P, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1973.

Địa chỉ nơi cư trú: Số 10 Đường 29, phường BTT, thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Tôn Nữ Mộng N, sinh năm 1971.

Địa chỉ nơi cư trú: Số 10 Đường 29, phường BTT, thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1971.

Địa chỉ nơi cư trú: 28/9A Đường số 6, Khu phố 4, phường BTT, thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1967.

Địa chỉ nơi cư trú: 165/1/7 Trần P, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Sơn: Bà Tôn Nữ Mộng H, sinh năm 1969

Địa chỉ: 165/1/7 Trần P, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Bà Đào Thị H, sinh năm 1981.

Trẻ Vũ Anh T, sinh năm 2009.

Trẻ Vũ Bả Q, sinh năm 2013.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Thư và trẻ Quyên là Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H

Cùng địa chỉ: Số 10 Đường 29, phường BTT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Ông Vũ Xuân T: Luật sư Nguyễn Minh C, sinh năm: 1957- Văn phòng luật sư Nguyễn Minh C - Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 1/35 Nguyễn Văn D, Phường S, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H có mặt, ông T, bà N, bà H, bà H1 và luật sư C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 14/8/2017 và các bản tự khai, nguyên đơn – Bà Tôn Nữ Mộng H trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện:

Vào ngày 24/7/2005, Bà H được bà Phạm Thị T, chủ sở hữu căn nhà số 10 đường 29, Khu phố 2, phường BTT, Quận H (nay là thành phố TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 471/2004 do Ủy ban nhân dân Quận H cấp ngày 17/3/2004) cho tặng toàn bộ diện tích đất 231m² và căn nhà ở diện tích 47,1m² (theo Hợp đồng cho tặng số 2602/HĐ-TCN ngày 24/7/2005 đã cập nhật sang tên cho bà Tôn Nữ Mộng H ngày 01/8/2005).

Sau đó, ngày 19/3/2009 Bà H đã chuyển nhượng một phần nhà đất và đã cấp mới Giấy chứng nhận diện tích khuôn viên nhà 47,1m²; diện tích đất sử dụng 90m²; diện tích xây dựng 90m² cho bà Nguyễn Mỹ V (theo hợp đồng số 6956/HĐ-MBN do Phòng Công chứng B chứng nhận ngày 19/3/2009). Sau khi chuyển nhượng một phần diện tích nhà đất thì thửa đất số 1 còn lại diện tích là 141m² (đã được cập nhật vào sổ).

Năm 2010, Bà H đồng ý cho em gái ruột là bà Tôn Nữ Mộng N xin ở nhờ một phần diện tích 30m² (5m x 6m) trong khuôn viên căn nhà số 10 đường 29, Khu phố 2, phường BTT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 19/10/2011, bà Tôn Nữ Mộng N tự bán căn nhà có diện tích 30m² này cho bà

Nguyễn Thị Hồng H bằng giấy viết tay. Bà H ở tạm một thời gian, sau đó bà H tự bán lại căn nhà có diện tích 30m² cho vợ chồng Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H bằng giấy tay. Hiện trạng căn nhà có diện tích 30m² đang do Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H cùng các thành viên đang sử dụng và lưu trú.

Đến tháng 3/2017 Bà H có nhu cầu lấy lại toàn bộ căn nhà để ở và khi tiếp xúc với ông T thì Bà H phát hiện một phần diện tích căn nhà 30m² cho bà N ở nhờ trước đây, đã được bán bằng giấy viết tay cho nhiều người và người mua căn nhà bằng giấy viết tay sau cùng là ông T, bà Hương.

Bà H và vợ chồng ông T, bà H1 phát sinh tranh chấp về căn nhà 30m² này và các bên đã đưa ra Ủy ban nhân dân phường BTT, Quận H giải quyết tranh chấp với kết quả: Ông T không đồng ý giao trả cho Bà H diện tích căn nhà 30m² nêu trên.

Bà Tôn Nữ Mộng H yêu cầu: Buộc gia đình Ông Vũ Xuân T (vợ bà Đào Thị H cùng các con) có nghĩa vụ trả lại tài sản cho Bà H là căn nhà có diện tích 30m² tọa lạc trong khuôn viên khu đất tại địa chỉ số 10 đường 29, Khu phố 2, phường BTT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (theo hiện trạng mô tả tứ cạnh tại mục số 7 của Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 25/09/2019 đính kèm).

Bà Tôn Nữ Mộng H tự nguyện hỗ trợ một lần chi phí vận chuyển di dời đồ đạc cho ông T, với số tiền là 10.000.000 đồng. Bà Tôn Nữ Mộng H tự nguyện chịu chi phí tố tụng về: lập bản vẽ sơ đồ hiện trạng tài sản tranh chấp, xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp. Bà H không còn yêu cầu gì khác. Án phí dân sự sơ thẩm các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị đơn:

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, các Bản tự khai ngày 18/4/2019, ngày 01/7/2019 và biên bản hòa giải, Ông Vũ Xuân T trình bày: Vào năm 2011, do nhu cầu về chỗ ở, ông T cùng vợ là bà Đào Thị H tìm mua đất và nhà trong khu vực Quận H (nay là thành phố TĐ). Thông qua người môi giới, ông T gặp bà Nguyễn Thị Hồng H (người đang muốn bán mảnh đất 30m² trong khuôn viên căn nhà có địa chỉ: số 10 đường 29, Khu phố 2, phường BTT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên khu đất tại số 10 đường 29, Khu phố 2, phường BTT từ thời ông bà ngoại của bà Tôn Nữ Mộng N để lại, riêng phần đất 30m² có căn nhà là phần của bà Phạm Thị Trước (mẹ ruột bà N, bà H). Do diện tích đất nhỏ nên không đủ chuẩn để tách thửa và không làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ở và QSH nhà ở. Năm 2010, bà Trước đã làm Giấy cam kết cho bà N Quyền sử dụng phần đất 30m² nói trên. Sau đó, vào tháng 5/2011 bà N đã bán lại căn nhà và đất 30m² cho bà H, và đến tháng 11/2021 bà H bán căn nhà diện tích 30m² này cho ông T. Ông T tự nguyện mua căn nhà 30m² này bằng Hợp đồng (giấy tay) với bà H, với giá mua bán là 400.000.000 đồng. Bà N là chủ cũ của căn nhà đã làm nhân chứng ký tên, xác nhận vào hợp đồng về sự việc mua bán nhà giữa bà H và vợ

chồng ông T. Tại thời điểm thanh toán tiền cho bà H, ông T chứng kiến việc bà H trả số tiền 50.000.000 đồng còn nợ cho bà N.

Sau khi nhận chìa khóa, gia đình ông T đã tiến hành sửa chữa, sơn lại toàn bộ ngôi nhà và làm mái tôn che dột theo nhà dưới sự chứng kiến của Bà H và bà N. Gia đình ông T (gồm 04 nhân khẩu) chính thức ở trong căn nhà 30m² tại số 10 đường 29, Khu phố 2, phường BTT từ ngày 02/12/2011, có đăng ký tạm trú và được Công ty điện lực cấp công tơ điện riêng, đồng hồ nước với định mức riêng.

Trong quá trình là hàng xóm của nhau, gia đình ông T và bà T rước, bà N, Bà H thường xuyên trao đổi, chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống, trong đó có nội dung liên quan đến căn nhà. Năm 2017, Bà H và bà N yêu cầu gia đình ông T chuyển đi nơi khác để trả căn nhà 30m² cho bà H, vì lý do nhà này của bà H, trước nay chỉ cho gia đình ông T ở nhờ miễn phí. Ông T cho rằng Bà H và bà N đã cố tình lừa gạt ông T, vì: Giữa bà H, bà N và gia đình ông T không quen biết nhau từ trước, gia đình ông T đều là người đi làm, có thu nhập, không phải hoàn C cơ nhờ thì không có lý do Bà H có thể cho gia đình ông T ở miễn phí suốt 7 năm như Bà H trình bày; Bà H cho biết đã có giấy CNQSDĐ từ năm 2005, nhưng tháng 01/2010 mẹ Bà H vẫn khẳng định phần đất 30m² này là của mình để làm giấy xác nhận cho bà N toàn bộ quyền sử dụng đất từ đó mới dẫn đến việc mua bán. Toàn bộ quá trình mua bán, sửa chữa, sử dụng đất và nhà ở đều diễn ra công khai, liên tục, bà Trước vẫn còn ở đây và Bà H thường xuyên về thăm bà Trước đều chứng kiến. Suốt 07 năm (từ 2011 – 2017), gia đình bà Trước, bà H, bà N và gia đình ông T thường xuyên tương tác với nhau, và Bà H đều chứng kiến về sửa chữa, mua bán, trang trí căn nhà nhưng Bà H không có phản ứng gì và sau 07 năm thì Bà H nói mình có giấy chủ quyền nhà; Việc bà N khẳng định: đất và nhà ở của bà N nên gia đình ông T mới quyết định mua và bà N còn bảo đảm với tư cách là chủ cũ làm chứng xác nhận cho việc mua bán giữa gia đình ông T và bà H. Nay Bà H cùng bà N nói nhà không bán hay cho thuê với gia đình ông T, ông T nhận thấy bà N có sự tráo trở, tính toán từ trước để bán nhà và nhận tiền từ gia đình ông T; Ngay lý lẽ của Bà H trong các tài liệu liên quan cũng mâu thuẫn, không thống nhất. Tại Đơn tường trình cứu xét ngày 31/5/2017 gửi UBND phường BTT, Quận H (nay là thành phố TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại các biên bản hòa giải và đơn phản tố, bị đơn Ông Vũ Xuân T trình bày ý kiến, yêu cầu: Trường hợp Bà H và các bên liên quan muốn lấy lại tài sản và nhà ở của gia đình ông T thì Bà H phải bồi thường theo mức giá 1.800.000.000 đồng cho gia đình ông T. Sau đó, ông T và bà H đã rút yêu cầu phản tố và không nộp tạm ứng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố này.

Ý kiến của người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- *Ý kiến của ông Trần Ngọc S trình bày:* Ông S xác nhận là chồng trong thời kỳ hôn nhân với bà Tôn Nữ Mộng H. Ông S thừa nhận tài sản tranh chấp là tài sản được tặng cho riêng Bà H trong thời kỳ hôn nhân, Ông S không có quyền,

nghĩa vụ tài sản gì liên quan đến tài sản tranh chấp. Ông S thống nhất với các ý kiến, yêu cầu của bà H. Ông S xác định không có yêu cầu độc lập gì đối với nguyên đơn hay đối với bị đơn trong vụ án.

- *Ý kiến của bà Tôn Nữ Mộng N:* Bà N là em ruột bà Tôn Nữ Mộng H. Từ nhỏ, hai chị em bà H, bà N được di ruột là bà Phạm Thị T (sinh năm 1927, cư trú: số 10 Đường 29, Khu phố 2, phường BTT, Quận H) nuôi dưỡng. Đến năm 1992 Bà H lập gia đình, ra ở riêng và không còn cư trú tại địa chỉ: số 10 Đường 29, Khu phố 2, phường BTT, Quận H (nay là thành phố TPĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguồn gốc nhà đất 230m² tại địa chỉ: số 10 Đường 29, Khu phố 2, phường BTT, Quận H (nay là thành phố TPĐ), Thành phố Hồ Chí Minh là do cha mẹ di Phạm Thị T để lại cho di T, sau đó di T thừa kế cho bà Tôn Nữ Mộng H. Sau khi bà N biết được sự việc tặng cho tài sản này, bà N có thắc mắc với các thành viên trong gia đình và được giải thích: “đó là trên pháp lý thôi”, mẹ bà N là bà Trước và Bà H viết “Giấy cam kết” cho bà N được quyền định đoạt toàn bộ căn nhà và đất có diện tích 30m² cho bà N bằng hình thức thỏa thuận gia đình. Năm 2006, bà N làm ăn thua lỗ, nợ nần nên bà N tự viết giấy tay bán phần diện tích căn nhà và đất 30m² (5m x 6m) cho bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1971 (cư trú: 28/9A Đường số 6, Khu phố 4, phường BTT, Quận H, TP. Hồ Chí Minh) với giá 340.000.000 đồng. Đến năm 2010, bà H lại tự bán bằng giấy tay phần diện tích đất 30m² này cho vợ chồng Ông Vũ Xuân T, bà Đào Thị H (bà H có yêu cầu bà N tái ký xác nhận việc mua bán 30m² đất này). Bà N có văn bản đề ngày 25/8/2020 xin xét xử vắng mặt.

- *Ý kiến của bà Nguyễn Thị Hồng H:* Nhà đất tranh chấp là do bà H mua từ bà Tôn Nữ Mộng N theo Hợp đồng mua bán nhà đất ngày 20/5/2011 và Hợp đồng ngày 19/10/2011 với giá 350.000.000 đồng. Bà H đã thanh toán hết tiền cho bà N. Sau đó bà H quản lý, sử dụng và sửa chữa rồi bán lại cho Ông Vũ Xuân T theo Hợp đồng mua bán nhà đất ngày 20/5/2011, với giá 390.000.000 đồng và ông T là người quản lý, sử dụng đất cho đến nay. Về tranh chấp giữa các bên, bà H trình bày không có liên quan đến bà H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà H đề nghị Tòa án cho bà H vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng vụ án. Bà H có văn bản đề ngày 20/8/2020 xin xét xử vắng mặt.

- *Ý kiến của bà Đào Thị H:* Bà H1 xác nhận là vợ trong thời kỳ hôn nhân với Ông Vũ Xuân T. Bà H1 thừa nhận tài sản tranh chấp là tài sản chung vợ chồng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, bà H1 có quyền, nghĩa vụ tài sản đối với tài sản tranh chấp này. Bà H1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nhà của bà H, bà H1 thống nhất với ý kiến của Ông Vũ Xuân T trình bày tại các Bản tự khai ngày 18/4/2019, ngày 01/7/2019 và Biên bản hòa giải không thành ngày 20/8/2020.

Tại bản án sơ thẩm số 1258/2022/DS-ST ngày 19/04/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TPĐ tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Ông Vũ Xuân T (cùng các thành viên gia đình gồm: bà Đào Thị H,

chị Vũ Anh T, chị Vũ Bả Q) có trách nhiệm giao trả cho bà Tôn Nữ Mộng H quyền sử dụng đất ở 30,7m², thuộc thửa đất số 1-92, tờ bản đồ số 01 (sơ đồ nền) tọa lạc tại địa chỉ: số 10, Đường số 29, khu phố 2, phường BTT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (có tứ cạnh 4.18m, 4.19m và 7.22m, 7.46m), thể hiện tại mục số 7 Bảng thống kê diện tích của Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 25/9/2019 (đính kèm).

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền, kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tôn Nữ Mộng H về hỗ trợ một lần chi phí vận chuyển di dời đồ đạc cho ông T số tiền là 10.000.000 đồng.

2. Dành quyền khởi kiện cho đương sự: Ông Vũ Xuân T, bà Đào Thị H, bà Tôn Nữ Mộng N, bà Nguyễn Thị Hồng H về đòi bồi thường thiệt hại đối với quan hệ pháp luật giữa các bên trong vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Xuân T (cùng vợ bà Đào Thị H liên đới trách nhiệm) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 66.339.000đ (*Sáu mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho bà Tôn Nữ Mộng H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (*Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tiền số AE/2014/0008520 ngày 19/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận H (nay là thành phố TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/05/2022, Ông Vũ Xuân T, bà Đào Thị H nộp đơn kháng cáo và ngày 13/09/2022 ông T nộp đơn rút lại đơn kháng cáo.

Ngày 18/05/2022, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2055/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 1258/2022/DS-ST ngày 19/04/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn, bà Tôn Nữ Mộng H trình bày: Diện tích nhà đất mà gia đình ông Vũ Xuân Trường đang sử dụng thuộc quyền sở hữu của bà, nhà đất đó đã tồn tại trước thời điểm bà N bán cho ông T nên Tòa án nhân dân thành phố TĐ đã giải quyết đúng qui định pháp luật. Đối với kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì bà không có ý kiến gì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo qui định của pháp luật.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến :

+ **Về tố tụng:** Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về nội dung:**

- Nội dung kháng nghị phúc thẩm số 2055/QĐ-VKS-DS ngày 18/05/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ quyền lợi cho ông T, bà N. Tuy nhiên, bà N không kháng cáo, ông T kháng cáo nhưng rút kháng cáo và đã khởi kiện đối với bà H (người đã chuyển nhượng cho ông T) tại Tòa án nhân dân thành phố TPĐ để bồi thường thiệt hại. Bà H kháng cáo nhưng vắng mặt hai lần không có lý do và Bản án sơ thẩm có dành quyền cho ông T về đòi bồi thường thiệt hại khi có yêu cầu nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút 1 phần kháng nghị về nội dung đối với phần diện tích đất tranh chấp và giải quyết hậu quả đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về án phí, sửa 1 phần bản án sơ thẩm về án phí. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn Ông Vũ Xuân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

- Tòa án nhân dân thành phố TPĐ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 19/04/2022, Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ngày 16/05/2022 bản án được niêm yết, ngày 12/05/2022 Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H đã nộp đơn kháng cáo. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ.

- Ngày 18/05/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2055/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 1258/2022/DS-ST ngày 19/04/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TPĐ, Thành phố Hồ Chí Minh nên kháng nghị còn trong thời hạn luật định theo qui định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn, bà Tôn Nữ Mộng H khởi kiện yêu cầu Ông Vũ Xuân T trả lại tài sản là 1 phần nhà đất diện tích khoảng 30m² trong khuôn viên căn nhà số 10, đường 29, phường BTT, thành phố TPĐ lại cho bà. Do đó, quan hệ tranh chấp

trong vụ án được xác định là “Đòi tài sản” là đúng với yêu cầu của nguyên đơn, các bên không có tranh chấp về giá trị tài sản. Bị đơn và bất động sản tranh chấp tọa lạc tại thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố TĐ có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Do có kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về người tham gia tố tụng và sự vắng mặt của các đương sự:

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các cháu: Vũ Anh T, sinh năm 2009, Vũ Bả Q, sinh năm 2013 chưa đủ 18 tuổi, cấp sơ thẩm đã xác định người đại diện hợp pháp để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự bảo vệ quyền và lợi ích các cháu là ba mẹ các cháu Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H trong biên bản hòa giải nhưng không thể hiện trong bản án. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, để đảm bảo đầy đủ về mặt tố tụng cần ghi tên người đại diện hợp pháp để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự bảo vệ quyền và lợi ích các cháu là ba mẹ cháu Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H trong bản án theo qui định tại Điều 69, khoản 2 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bị đơn là Ông Vũ Xuân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tôn Nữ Mộng N, bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Đào Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn ông Nguyễn Minh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.4] Xét kháng cáo

- Xét, người kháng cáo là bị đơn Ông Vũ Xuân T có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 1258/2022/DS-ST ngày 19/04/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Ông Vũ Xuân T

- Xét, người kháng cáo là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H1 theo qui định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.5] Xét kháng nghị:

- Xét, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút 1 phần kháng nghị về nội dung đối với diện tích đất tranh chấp, giải quyết hậu quả bồi thường thiệt hại phù hợp với qui định pháp luật tại

Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng nghị của Viện Kiểm Sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung trên.

- Xét, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về án phí, sửa 1 phần bản án sơ thẩm về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu ông T và bà H1 trả lại nhà đất cho nguyên đơn. Ông T, bà H1 trình bày nếu nguyên đơn lấy lại nhà thì nguyên đơn thanh toán cho ông bà số tiền là 1.800.000.000 đồng, đây chỉ là ý kiến của ông T và bà Hương

Bị đơn có yêu cầu phản tố nhưng sau đó có đơn xin rút yêu cầu phản tố cũng như không đóng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố của mình nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã dành cho bị đơn quyền khởi kiện trong vụ kiện khác khi bị đơn có yêu cầu.

Như nhận định ở trên, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Đòi tài sản” là đúng với yêu cầu của nguyên đơn, các bên không có tranh chấp về giá trị tài sản nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định là án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng nhưng bản án sơ thẩm buộc ông T và bà H1 cùng liên đới chịu trách nhiệm án phí có giá ngạch là 66.339.000 đồng là không đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa án sơ thẩm về án phí theo hướng đã nhận định trên.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H liên đới chịu trách nhiệm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn cho bà Tôn Nữ Mộng H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (*Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tiền số AE/2014/0008520 ngày 19/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận H (nay là thành phố TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả cho Ông Vũ Xuân T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0027109 ngày 18/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả cho bà Đào Thị H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0027110 ngày 18/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289; khoản 2 Điều 308; Điều 309 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng nghị phúc thẩm số 2055/QĐ-VKS-DS ngày 18/05/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần diện tích đất tranh chấp và giải quyết hậu quả bồi thường thiệt hại.

3. Chấp nhận 1 phần kháng nghị phúc thẩm số 2055/QĐ-VKS-DS ngày 18/05/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 1258/2022/DS-ST ngày 19/04/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sửa bản án số 1258/2022/DS-ST ngày 19/04/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Ông Vũ Xuân T (cùng các thành viên gia đình gồm: bà Đào Thị H, trẻ Vũ Anh T, trẻ Vũ Bả Q) có trách nhiệm giao trả cho bà Tôn Nữ Mộng H quyền sử dụng đất ở 30,7m², thuộc thửa đất số 1⁻⁹², tờ bản đồ số 01 (sơ đồ nền) tọa lạc tại địa chỉ: số 10, Đường số 29, khu phố 2, phường BTT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (có tứ cạnh 4.18m, 4.19m và 7.22m, 7.46m), thể hiện tại mục số 7 Bảng thống kê diện tích của Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 25/9/2019 (đính kèm).

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền, kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tôn Nữ Mộng H về hỗ trợ một lần chi phí vận chuyển di dời đồ đạc cho ông T số tiền là 10.000.000 đồng.

- Dành quyền khởi kiện cho đương sự: Ông Vũ Xuân T, bà Đào Thị H, bà Tôn Nữ Mộng N, bà Nguyễn Thị Hồng H về đòi bồi thường thiệt hại đối với quan hệ pháp luật giữa các bên trong vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Xuân T (cùng vợ bà Đào Thị H liên đới trách nhiệm) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho bà Tôn Nữ Mộng H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền số AE/2014/0008520 ngày 19/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận H (nay là thành phố TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Xuân T và bà Đào Thị H không phải chịu. Hoàn cho Ông Vũ Xuân T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0027109 ngày 18/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn cho bà Đào Thị H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0027110 ngày 18/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS thành phố TĐ;
- TAND thành phố TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Cương